TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 352/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12/6/2019
"V/v Tranh chấp về ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Lê Anh

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Em

2. Ông Nguyễn Hoà Bình

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thuý Loan - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Minh Tú - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2019 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019 về việc: "Tranh chấp ly hôn",

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2019/QĐST- HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Ngọc T, sinh năm 1975 (Có mặt)

Thường trú: Số 2/5 đường T, Tổ 9, Khu phố 1, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Tạm trú: Số 861/88A đường S, phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Vũ Tiến C, sinh năm 1966 (Vắng mặt)

Thường trú: Số 2/5 đường T, Tổ 9, Khu phố 1, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Tạm trú: Số 861/88A đường S, phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc T trình bày:

Bà và ông Vũ Tiến C qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1996, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 01/96, quyển số 22 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/3/1996).

Bà và ông C sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông C có tính tình hung hăng, thường xuyên hăm doạ bà dẫn đến vợ chồng có nhiều bất đồng trong cuộc sống, cả hai thường xuyên gây gỗ cãi vã nhau. Bà và ông C đã nhiều lần ngồi lại, động viên hàn gắn nhưng tình trạng hôn nhân ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên nguyện vọng của bà là:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn với ông C

- Về quan hệ con chung: Bà và ông C có hai con chung họ và tên là:

1. Vũ Ngọc Thảo V (nữ), sinh ngày 04/01/1996 (Đã thành niên)

2. Vũ Ngọc Thiên K (nữ), sinh ngày 12/10/2007.

Sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ Vũ Ngọc Thiên K (nữ), sinh ngày 12/10/2007. Không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Không có.

Bà Phạm Thị Ngọc T cam kết việc ly hôn không nhằm trốn tránh bất cứ nghĩa vụ pháp lý nào.

Tại phiên tòa hôm nay bà Phạm Thị Ngọc T xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông Vũ Tiến C, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà.

Tại phiên toà hôm nay ông Vũ Tiến C vắng mặt không có lý do dù đã được Toà án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, do đó Thẩm phán chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử công bố lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bị đơn - ông Vũ Tiến C trình bày như sau:

Sau khi kết hôn thời gian khoảng 22 năm thì ông C đi xa gia đình để làm ăn, cuộc sống kinh tế gia đình có nhiều khó khăn nên dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, tuy nhiên theo ông mâu thuẫn là không lớn. Ông cam kết sẽ sửa chữa để

cùng chăm lo cho gia đình. Do đó đối với yêu cầu ly hôn của bà T ông không đồng ý.

Về con chung: Ông C xác nhận có 02 con chung họ và tên là:

1. Vũ Ngọc Thảo V (nữ), sinh ngày 04/01/1996 (Đã thành niên)

2. Vũ Ngọc Thiên K (nữ), sinh ngày 12/10/2007.

Do không đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà T nên ông có ý kiến, yêu cầu về quan hệ con chung, quan hệ tài sản chung và quan hệ nợ chung.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của ông Vũ Tiến C, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng của Toà án nhân dân Quận 7 cho ông Vũ Tiến C gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17/4/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019.

Tuy nhiên ông Vũ Tiến C chỉ đến Toà vào ngày 20/3/2019 để làm bản tự khai và dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, sau đó ông Vũ Tiến C vắng mặt không lý do và tại phiên tòa sơ thẩm ông Vũ Tiến C vẫn vắng mặt không có lý nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Vũ Tiến C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7:

*** Việc tuân theo pháp luật tố tụng:**

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tại điều 70, điều 72, điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự (Vắng mặt tại buổi hòa giải và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 09/4/2019 và tại phiên tòa hôm nay)

*** Ý kiến về việc giải quyết vụ án:**

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy:

Bà Phạm Thị Ngọc T và ông Vũ Tiến C kết hôn năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà T là do vợ chồng có nhiều bất đồng trong cuộc sống nên dẫn dến thường xuyên gây gỗ, cãi vã. Còn theo ông C thì do ông đi xa gia đình để làm ăn, cuộc sống kinh tế gia đình có nhiều khó khăn dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, tuy nhiên mâu thuẫn không lớn nên đối với yêu cầu ly hôn của bà T, ông không đồng ý. Tại phiên tòa hôm nay, ông C vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Xét thấy: hôn nhân phải là sự tự nguyện từ hai phía, cả hai cùng nhau xây dựng một gia đình hạnh phúc. Hôn nhân phải có sự yêu thương chăm sóc và tôn trọng lẫn nhau, tuy nhiên, căn cứ vào lời trình bày của các bên thì nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông C đã không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ việc vợ chồng có nhiều bất đồng trong cuộc sống, cả hai đã cùng nhau khắc phục nhưng không có kết quả việc tiếp tục chung sống chỉ là sự ràng buộc về mặt pháp luật mà không đem lại hạnh phúc đích thực cho nhau, do đó có cơ sở để cho rằng tình trạng hôn nhân của các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của bà T là có cơ sở để chấp nhận.

Về con chung: Bà xác nhận có 02 con chung là Vũ Ngọc Thảo V (nữ) sinh ngày 04/01/1996 đã trưởng thành và Vũ Ngọc Thiên K (nữ) sinh ngày 12/10/2007. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Nhận thấy: Tại bản tự khai trẻ Vũ Ngọc Thiên K mong muốn ở với mẹ. Nhằm đảm bảo sự phát triển về tâm sinh lý cũng như quyền lợi mọi mặt cho trẻ K, việc để bà T nuôi con, không yêu cầu ông C cấp dưỡng là có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận

Về nợ chung: Không có

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 51 và các Điều 56, 57; 58; 59; 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí hôn nhân gia đình: bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Phạm Thị Ngọc T yêu cầu ly hôn với ông Vũ Tiến C, đây là tranh chấp về ly hôn, là loại tranh chấp được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do bị đơn ông Vũ Tiến C hiện đang cư trú tại Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, nên theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn, ông Vũ Tiến C mặc dù đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án nhưng ông C chỉ đến Toà vào ngày 20/3/2019 để làm bản tự khai và dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Sau đó ông Vũ Tiến C vắng mặt không lý do và tại phiên tòa sơ thẩm ông Vũ Tiến C tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Vũ Tiến C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Xét, bà Phạm Thị Ngọc T và ông Vũ Tiến C có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 01/96, quyển số 22 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/3/1996), do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc T: Bà và ông C chung sống với nhau không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn xảy ra là do ông C tính tình hung hăng, hay doạ nạt bà dẫn đến vợ chồng có nhiều bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên gây gỗ cãi vã. Bà và ông C đã nhiều lần ngồi lại, động viên hàn gắn nhưng tình trạng hôn nhân ngày càng mâu thuẫn trầm trọng.

Căn cứ vào Phiếu yêu cầu xác minh số: 48/2019/PYCXM ngày 01 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận 7, Hội liên hiệp phụ nữ phường Tân Thuận Tây, Quận 7 xác định: "Hiện nay bà Phạm Thị Ngọc T và ông Vũ Tiến C không còn ở địa phương nên không thể xác minh thông tin"

Căn cứ vào Phiếu yêu cầu xác minh số: 48A/2019/PYCXM ngày 01 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận 7, Hội liên hiệp phụ nữ phường H, Quận B xác định: "Trong thời gian chung sống tại địa phương bà Phạm Thị Ngọc T và ông Vũ Tiến C có gây gỗ, cãi vã làm mất trật tự địa phương, công an phường có giải quyết; Hiện nay, bà T và ông C vẫn sống cùng địa chỉ: 861/88A đường S, phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên bà T và ông C đang sống ly thân".

Căn cứ vào phiếu yêu cầu xác minh số: 46/2019/PYCXM ngày 09 tháng 3 năm 2019 của Toà án nhân dân Quận 7, Công an phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xác định: "Anh Vũ Tiến C và chị Phạm Thị Ngọc T hiện đang cư ngụ tại số nhà 861/88A đường S, phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Anh C và chị T có cãi nhau 01 lần và cơ quan Công an đã đến và giải quyết tại chỗ; Anh C và chị T cư trú thuộc diện tạm trú".

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn ông Vũ Tiến C đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ án, tại bản tự khai và Biên bản hoà giải ngày 20/3/2019 ông C đã xác nhận ông và bà T sau khi kết hôn thời gian khoảng 22 năm thì ông đi xa gia đình để làm ăn, cuộc sống kinh tế gia đình có nhiều khó khăn nên dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, tuy nhiên theo ông mâu thuẫn gia đình là không lớn, ông cam kết sẽ sửa chữa để cùng chăm lo cho gia đình.

Sau đó Tòa án đã nhiều lần tạo điều kiện thông qua việc mở các phiên hòa giải và phiên họp để cho ông C có cơ hội trình bày, hàn gắng, tìm cách tháo gỡ mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng. Tuy nhiên, ông Vũ Tiến C vắng mặt không lý do và tại phiên tòa sơ thẩm ông Vũ Tiến C vẫn vắng mặt không có lý do, điều đó thể hiện sự thiếu trách nhiệm của ông C đối với quan hệ hôn nhân của mình, làm cho mâu thuẫn vợ chồng càng thêm trầm trọng và không thể hàn gắn được. Xét thấy, lý do xin đoàn tụ của ông C không xuất phát từ mục đích hàn gắn xây dựng gia đình hạnh phúc nên không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích và căn cứ nêu trên, xét thấy mâu thuẫn giữa các đương sự là trầm trọng, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ do đó yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Ngọc T là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Về quan hệ con chung:

Các đương sự có 02 con chung, họ tên là:

1. Vũ Ngọc Thảo V (nữ), sinh ngày 04/01/1996 (Đã thành niên).

2. Vũ Ngọc Thiên K (nữ), sinh ngày 12/10/2007

Do con chung là bà Vũ Ngọc Thảo V của các đương sự đã thành niên, không thuộc trường hợp quy định tại Điều 110 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với con chung là trẻ Vũ Ngọc Thiên K (nữ) sinh ngày 12/10/2007 bà Phạm Thị Ngọc T yêu cầu được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu ông Vũ Tiến C cấp dưỡng nuôi con chung. Xét, tại bản tự khai ngày 10 tháng 4 năm 2019 con chung là trẻ Vũ Ngọc Thiên K có nguyện vọng được sống chung với bà T, đồng thời giới tính của trẻ là nữ do đó để đảm bảo sự phát triển toàn diện về mặt tâm sinh lý của trẻ nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao trẻ Vũ Ngọc Thiên K cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, ông C không cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về quan hệ tài sản chung: Các đương sự tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu có tranh chấp thì các bên đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[2.4]. Về quan hệ nợ chung: Không có.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Phạm Thị Ngọc T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi bổ sung năm 2014;

Xử:

[1]. Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn ông Vũ Tiến C

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Ngọc T về việc yêu cầu ly hôn với ông Vũ Tiến C.

Xử, cho bà Phạm Thị Ngọc T được ly hôn với ông Vũ Tiến C (Giấy chứng nhận kết hôn số 01/96, quyển số 22 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/3/1996 không còn giá trị pháp lý).

[2.2]. Về quan hệ con chung: Có 02 con chung họ tên là:

(1) Vũ Ngọc Thảo V (nữ), sinh ngày 04/01/1996 (Đã thành niên).

(2) Vũ Ngọc Thiên K (nữ), sinh ngày 12/10/2007.

Giao con chung là trẻ Vũ Ngọc Thiên K (nữ), sinh ngày 12/10/2007 cho bà Phạm Thị Ngọc T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Vũ Tiến C không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Vũ Tiến C được quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về quan hệ tài sản chung: Các đương sự tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu có tranh chấp thì các bên đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[2.4]. Về quan hệ nợ chung: Không có.

[2.5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2017/0026567 ngày 08/01/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 7, bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[2.6]. Nguyên đơn, bà Phạm Thị Ngọc T có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

[2.7]. Bị đơn, ông Vũ Tiến C có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- Tòa án ND TP. HCM;
- VKS ND Quận 7;
- THA Dân sự Quận 7;
- UBND nơi các đương Sự đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ (Thuý Loan).

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Đào Lê Anh